



**CÂU HỎI ÔN TẬP THI TRẮC
NGHIỆM MÔN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG**

CÂU HỎI ÔN TẬP THI TRẮC NGHIỆM MÔN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

Câu 1. Sự xuất hiện của nhà nước cổ đại nào sau đây có nguyên nhân là do mâu thuẫn giai cấp gay gắt đến mức không thể điều hòa được:

- A. Nhà nước Giéc – manh
- B. Nhà nước Rôma
- C. Nhà nước Aten
- D. Các Nhà nước phương Đông

Câu 2. Theo học thuyết Mác – Lênin, nhận định nào sau đây là đúng:

- A. Tính chất giai cấp của nhà nước không đổi nhưng bản chất của nhà nước thì thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.
- B. Tính chất giai cấp và bản chất của nhà nước không thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.
- C. Tính chất giai cấp và bản chất của nhà nước luôn luôn thay đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.
- D. Tính chất giai cấp của nhà nước luôn luôn thay đổi, còn bản chất của nhà nước là không đổi qua các kiểu nhà nước khác nhau.

Câu 3. Thành phố nào sau đây không phải là thành phố trực thuộc trung ương:

- A. Thành phố Huế
- B. Thành phố Cần Thơ

C. Thành phố Đà Nẵng

D. Thành phố Hải Phòng

Tài liệu này đã được đăng tải trên trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Câu 4. Câu nào sau đây đúng với quy định được ghi trong Điều 15 Hiến pháp Việt Nam 1992, đã được sửa đổi, bổ sung:

A. "...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN..."

B. "...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN..."

C. "...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh theo định hướng XHCN..."

D. "...Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách phát triển nền kinh tế thị trường kết hợp với kế hoạch phát triển kinh tế của nhà nước theo định hướng XHCN..."

Câu 5. Sự tồn tại của nhà nước:

A. Là kết quả tất yếu của xã hội loài người, ở đâu có xã hội ở đó tồn tại nhà nước

B. Là kết quả tất yếu của xã hội có giai cấp

C. Là do ý chí của các thành viên trong xã hội với mong muốn thành lập nên nhà nước để bảo vệ lợi ích chung.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 6. Số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hiện nay của nước CHXHCN Việt Nam là:

A. 62

B. 63

C. 64

D. 65

Câu 7. Quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực trong xã hội CXNT:

A. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.

Tài liệu này xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

B. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho Hội đồng thị tộc, tù trưởng, các thủ lĩnh tôn giáo.

C. Đứng trên xã hội, tách khỏi xã hội và phục vụ lợi ích cho các thành viên trong xã hội.

D. Hòa nhập vào xã hội và phục vụ cho lợi ích của Hội đồng thị tộc, tù trưởng, các thủ lĩnh tôn giáo.

Câu 8. Ngoài tính chất giai cấp, kiểu nhà nước nào sau đây còn có vai trò xã hội:

A. Nhà nước XHCN
XHCN; Nhà nước tư sản

B. Nhà nước

C. Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản; Nhà nước phong kiến

D. Nhà nước XHCN; Nhà nước tư sản; Nhà nước phong kiến; Nhà nước chủ nô

Câu 9. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Thủ tướng Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam:

A. Do nhân dân bầu
hội bầu theo sự giới thiệu của Chủ tịch nước

B. Do Quốc

C. Do Chủ tịch nước giới thiệu
phủ bầu

D. Do Chính

Câu 10. Theo Điều lệ ĐCS Việt Nam, nếu không có đại hội bất thường, thì mấy năm ĐCS Việt Nam tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc một lần:

A. 3 năm
năm

B. 4 năm
D. 6 năm

C. 5

Câu 11. Nước nào sau đây có hình thức cấu trúc nhà nước liên bang: Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

- A. Việt Nam
- B. Pháp
- C. Ấn Độ
- D. Cả B và C

Câu 12. Nhà nước nào sau đây có hình thức cấu trúc là nhà nước đơn nhất:

- A. Mêxicô
- B. Thụy Sĩ
- C. Séc
- D. Cả A, B và C

Câu 13. Nhà nước CHXHCN Việt Nam có hình thức cấu trúc là:

- A. Nhà nước đơn nhất
- B. Nhà nước liên bang
- C. Nhà nước liên minh
- D. Cả A và C đều đúng

Câu 14. Nhà nước nào sau đây có hình thức chính thể cộng hòa tổng thống:

- A. Đức
- B. Ấn Độ
- C. Nga
- D. Cả A, B và C đều sai

Câu 15. Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa:

- A. Ucraina
- B. Maroc
- C. Nam Phi
- D. Cả A và C

Câu 16: Nhà nước nào sau đây có chính thể cộng hòa đại nghị:

- A. Đức
- B. Bồ Đào Nha
- C. Hoa Kỳ
- D. Cả A và B

Câu 17. Nhà nước quân chủ hạn chế (quân chủ lập hiến) là nhà nước:

- A. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể và được hình thành theo phương thức thừa kế.
- B. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể do bầu cử mà ra.

C. Quyền lực nhà nước được phân chia cho người đứng đầu nhà nước theo phương thức thừa kế và một CQNN khác.

D. Quyền lực nhà nước thuộc về một tập thể gồm những người quý tộc và được hình thành do thừa kế.

Câu 18. Trong nhà nước quân chủ chuyên chế:

A. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một cơ quan tập thể và do bầu cử mà ra.

B. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về một người và được hình thành do bầu cử.

C. Quyền lực nhà nước thuộc về một người và được hình thành theo phương thức thừa kế.

D. Quyền lực nhà nước thuộc về một tập thể, được hình thành theo phương thức thừa kế.

Câu 19. Nhà nước quân chủ là nhà nước:

A. Quyền lực nhà nước tối cao tập trung vào người đứng đầu nhà nước và được hình thành do bầu cử.

B. Quyền lực nhà nước tối cao thuộc về người đứng đầu nhà nước hay thuộc về một tập thể, và được hình thành do bầu cử.

C. Quyền lực nhà nước tối cao tập trung toàn bộ hay một phần chủ yếu vào tay người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 20. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

A. Bộ thủy lợi
và B đều đúng

B. Bộ viễn thông
D. Cả A và B đều sai

C. Cả A

Câu 21. Tên gọi nào không phải là tên gọi bộ của bộ máy quản lý hành chính của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A.** Bộ ngoại giao **B.** Tài nguyên khoáng sản **C.** Bộ y tế và sức khỏe cộng đồng **D.** Cả B và C

Câu 22. Quy định pháp luật về bầu cử của Việt Nam, ngoài các điều kiện khác, muốn tham gia ứng cử, phải:

- A.** Từ đủ 15 tuổi **B.** Từ đủ 18 tuổi **C.** Từ đủ 21 Tuổi **D.** Từ đủ 25 tuổi

Câu 23. Kiểu nhà nước nào có sử dụng phương pháp thuyết phục để cai trị và quản lý xã hội:

- A.** Nhà nước XHCN và nhà nước tư sản **B.** Nhà nước XHCN

C. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản và nhà nước phong kiến

D. Nhà nước XHCN, nhà nước tư sản, nhà nước phong kiến và nhà nước chủ nô

Câu 24. Văn bản nào có hiệu lực cao nhất trong HTPL Việt Nam:

- A.** Pháp lệnh **B.** Luật **C.** Hiến pháp **D.** Nghị quyết

Câu 25. Trong Tuyên ngôn ĐCS của C.Mác và Ph.Ăngghen viết: “Pháp luật của các ông chỉ là ý chí của giai cấp các ông được đề lên thành luật, cái ý chí mà nội dung là do các điều kiện sinh hoạt vật chất của giai cấp các ông quyết định”.

Đại từ nhân xưng “các ông” trong câu nói trên muốn chỉ ai?:

- A.** Các nhà làm luật Quốc hội, nghị viện **B.**

C. Nhà nước, giai cấp thống trị

D.

Chính phủ

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Câu 26. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, thì:

A. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân

B. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác chỉ có quyền sử dụng đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân

C. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu tư nhân

D. Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ hợp tác vừa có quyền sử dụng, vừa có quyền sở hữu đối với đất đai; Đất đai thuộc sở hữu toàn dân

Câu 27. Theo quy định của Luật quốc tịch Việt Nam 1998, công dân Việt Nam có:

A. 1 quốc tịch
quốc tịch

B. 2 quốc tịch

C. 3

D. Nhiều quốc tịch

Câu 28. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp:

A. Chủ tịch nước
Quốc hội

B.

C. Chính phủ

D. Tòa

án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân

Câu 29. Lịch sử xã hội loài người đã và đang trải qua mấy kiểu pháp luật:

A. 2 kiểu pháp luật
kiểu pháp luật

B. 3 kiểu pháp luật

C. 4

D. 5 kiểu pháp luật

Câu 30. Nếu không có kỳ họp bất thường, theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, mỗi năm Quốc hội Việt Nam triệu tập mấy kỳ họp:

- A.** 1 kỳ **B.** 2 kỳ **C.** 3 kỳ **D.**
Không có quy định phải triệu tập mấy kỳ họp

Câu 31. Số cơ quan trực thuộc chính phủ của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A.** 8 cơ quan trực thuộc chính phủ
B. 9 cơ quan trực thuộc chính phủ
C. 10 cơ quan trực thuộc chính phủ
D. 11 cơ quan trực thuộc chính phủ

Câu 32. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, có mấy cấp xét xử:

- A.** 2 cấp **B.** 3 cấp
C. 4 cấp **D.** 5 cấp

Câu 33. Cơ quan nào là cơ quan ngang bộ của Nhà nước CHXHCN Việt Nam hiện nay:

- A.** Thanh tra chính phủ
B. Bảo hiểm xã hội Việt Nam
C. Ngân hàng nhà nước
D. Cả A và C

Câu 34. Nhiệm vụ của nhà nước là:

A. Phương diện, phương hướng, mặt hoạt động cơ bản của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ cơ bản của nhà nước.

B. Những vấn đề đặt ra mà nhà nước phải giải quyết, những mục tiêu mà nhà nước phải hướng tới.

C. Cả A và B.

D. Cả A và B đều sai

Tất cả đều sai một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Câu 35. Hội đồng nhân dân là:

A. Cơ quan lập pháp **B.** Cơ quan hành pháp **C.** Cơ quan tư pháp
D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 36. Cơ quan nào sau đây có chức năng quản lý hành chính:

A. Quốc hội **B.** Chính phủ **C.** UBND các cấp
D. Cả B và C đều đúng

Câu 37. Nhiệm vụ của nhà nước:

A. Xây dựng và bảo vệ tổ quốc.
B. Xóa đói giảm nghèo
C. Điện khí hóa toàn quốc
D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 38. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi thị xã là nơi đặt trung tâm hành chính của tỉnh
C. Cả A và B đều đúng
B. Mọi thị trấn là nơi đặt trung tâm hành chính của huyện
D. Cả A và B đều sai

Câu 39. Theo Hiến pháp Việt Nam 1992, Chủ tịch nước Nước CHXHCN Việt Nam:

A. Do nhân dân bầu ra
B. Do Quốc hội bầu ra
C. Do nhân dân bầu và Quốc hội phê chuẩn
D. Được kế vị

Câu 40. Nếu không có kỳ họp bất thường, theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, mỗi năm Quốc hội Việt Nam triệu tập mấy kỳ họp:

A. 1 kỳ **B. 2 kỳ** **C. 3 kỳ** **D. Không**
có quy định phải triệu tập mấy kỳ họp

Câu 41. Theo quy định của Hiến pháp Việt Nam 1992, cơ quan nào sau đây có quyền lập hiến và lập pháp:

A. Chủ tịch nước **B. Quốc hội** **C. Chính phủ** **D. Tòa án nhân dân và viện kiểm sát nhân dân**

Câu 42. Đạo luật nào dưới đây quy định một cách cơ bản về chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa, xã hội và tổ chức bộ máy nhà nước.

A. Luật tổ chức Quốc hội
B. Luật tổ chức Chính phủ
C. Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND
D. Hiến pháp

Câu 43. Người nước ngoài được thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam theo Luật doanh nghiệp, khi:

A. Có vợ là người Việt Nam
B. Có sở hữu nhà tại Việt Nam
C. Có con là người Việt Nam
D. Có thẻ thường trú tại Việt Nam

Câu 44. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài:

A. Không được thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam
B. Được thành lập doanh nghiệp như người nước ngoài thành lập doanh nghiệp tại Việt Nam.
C. Được thành lập doanh nghiệp như người Việt Nam
D. Cả A, B và C đều sai

Câu 45. QPPL là cách xử sự do nhà nước quy định để:

A. Áp dụng trong một hoàn cảnh cụ thể.

C. Cả A và B đều đúng Tên đều xem file gốc để xem toàn bộ các trang. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

B. Áp dụng trong nhiều hoàn cảnh.

D. Cả A và B đều sai

Câu 46. Quyền tham gia ký hợp đồng lao động đối với cá nhân:

A. Từ đủ 14 tuổi

B. Từ đủ 15 tuổi

C. Từ

đủ 16 tuổi

D. Từ đủ 18 tuổi

Câu 47. Đặc điểm của các quy phạm xã hội (tập quán, tín điều tôn giáo) thời kỳ CXNT:

A. Thể hiện ý chí chung, phù hợp với lợi ích chung của cộng đồng, thị tộc, bộ lạc; Mang tính manh mún, tản mạn và chỉ có hiệu lực trong phạm vi thị tộc - bộ lạc.

B. Mang nội dung, tinh thần hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, tính cộng đồng, bình đẳng, nhưng nhiều quy phạm xã hội có nội dung lạc hậu, thể hiện lối sống hoang dã.

C. Được thực hiện tự nguyện trên cơ sở thói quen, niềm tin tự nhiên, nhiều khi cũng cần sự cưỡng chế, nhưng không do một bộ máy chuyên nghiệp thực hiện mà do toàn thị tộc tự tổ chức thực hiện.

D. Cả A, B và C đều đúng.

Câu 48. Hiến pháp xuất hiện:

A. Từ nhà nước chủ nô

B.

Từ nhà nước phong kiến

C. Từ nhà nước tư sản

D. Từ nhà nước XHCN

Câu 49. Mỗi một điều luật:

A. Có thể có đầy đủ cả ba yếu tố cấu thành QPPL.

B. Có thể chỉ có hai yếu tố cấu thành QPPL

C. Có thể chỉ có một yếu tố cấu thành QPPL

D. Cả A, B và C đều đúng

Tài liệu chỉ xem được một trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Câu 50. Khẳng định nào là đúng:

A. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL là nguồn của pháp luật Việt Nam.

B. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tập quán pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

C. Trong các loại nguồn của pháp luật, chỉ có VBPL và tiền lệ pháp là nguồn của pháp luật Việt Nam.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 51. Cơ quan nào có thẩm quyền hạn chế NLHV của công dân:

A. Viện kiểm sát nhân dân

B. Tòa án nhân dân

C. Hội đồng nhân dân; UBND

D. Quốc hội

Câu 52. Trong một nhà nước:

A. NLPL của các chủ thể là giống nhau.

B. NLPL của các chủ thể là khác nhau.

C. NLPL của các chủ thể có thể giống nhau, có thể khác nhau, tùy theo từng trường hợp cụ thể.

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 53. Chức năng nào không phải là chức năng của pháp luật:

A. Chức năng điều chỉnh các QHXXH
năng xây dựng và bảo vệ tổ quốc

B. Chức

Câu 54. Các thuộc tính của pháp luật là:

A. Tính bắt buộc chung (hay tính quy phạm phổ biến)

C. Cả A và B đều đúng

B. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

D. Cả A và B đều sai

Câu 55. Các thuộc tính của pháp luật là:

A. Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

C. Cả A và B đều đúng

B. Tính được đảm bảo thực hiện bằng nhà nước

D. Cả A và B đều sai

Câu 56. Việc tòa án thường đưa các vụ án đi xét xử lưu động thể hiện chủ yếu chức năng nào của pháp luật:

A. Chức năng điều chỉnh các QHXH

B. Chức

năng bảo vệ các QHXH

C. Chức năng giáo dục pháp luật

C.

Cả A, B và C đều sai

Câu 57. Xét về độ tuổi, người có NLHV dân sự chưa đầy đủ, khi:

A. Dưới 18 tuổi

B. Từ đủ 6 tuổi đến dưới 18 tuổi

C. Từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi

D. Dưới 21 tuổi

Câu 58. Khẳng định nào là đúng:

A. Muốn trở thành chủ thể QHPL thì trước hết phải là chủ thể pháp luật

B. Đã là chủ thể QHPL thì là chủ thể pháp luật

C. Đã là chủ thể QHPL thì có thể là chủ thể pháp luật, có thể không phải là chủ thể pháp luật

D. Cả A và B

Câu 59. Cơ quan thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp:

A. Quốc hội B. Chính phủ C. Tòa án nhân dân
D. Viện kiểm sát nhân dân

Câu 60. Nguyên tắc chung của pháp luật trong nhà nước pháp quyền là:

A. Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm

B. Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm mọi điều mà pháp luật không cấm

C. Cơ quan, công chức nhà nước được làm mọi điều mà pháp luật không cấm; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.

D. Cơ quan, công chức nhà nước được làm những gì mà pháp luật cho phép; Công dân và các tổ chức khác được làm những gì mà pháp luật cho phép.

Câu 61. Cơ quan nào có quyền xét xử tội phạm và tuyên bản án hình sự:

A. Tòa kinh tế B. Tòa hành chính C. Tòa dân sự
D. Tòa hình sự

Câu 62. Hình thức ADPL nào cần phải có sự tham gia của nhà nước:

A. Tuân thủ pháp luật B. Thi hành pháp luật C. Sử dụng pháp luật
D. ADPL

Câu 63. Hoạt động áp dụng tương tự quy phạm là:

A. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó.

B. Khi có cả QPPL áp dụng cho trường hợp đó và cả QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

C. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó và không có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

D. Khi không có QPPL áp dụng cho trường hợp đó nhưng có QPPL áp dụng cho trường hợp tương tự.

Câu 64. Nguyên tắc pháp chế trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước xuất hiện từ khi nào:

A. Từ khi xuất hiện nhà nước chủ nô
khi xuất hiện nhà nước phong kiến

B. Từ

C. Từ khi xuất hiện nhà nước tư sản
khi xuất hiện nhà nước XHCN

D. Từ

Câu 65. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 271, Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, nếu tội phạm có khung hình phạt từ 15 năm trở xuống thì thuộc thẩm quyền xét xử của:

A. Tòa án nhân dân huyện

B. Tòa án nhân dân tỉnh

C. Tòa án nhân dân tối cao

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 66. Điều kiện để làm phát sinh, thay đổi hay chấm dứt một QHPL:

A. Khi có QPPL điều chỉnh QHXXH tương ứng
xảy ra SKPL

C. Khi

B. Khi xuất hiện chủ thể pháp luật trong trường hợp cụ thể

D. Cả A, B và C

Câu 67. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có quyền ban hành những loại VBPL nào:

Vui lòng tải về một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

- A. Luật, nghị quyết
- B. Luật, pháp lệnh
- C. Pháp lệnh, nghị quyết
- D. Pháp lệnh, nghị quyết, nghị định

Câu 68. Trong HTPL Việt Nam, để được coi là một ngành luật độc lập khi:

- A. Ngành luật đó phải có đối tượng điều chỉnh
- B. Ngành luật đó phải có phương pháp điều chỉnh
- C. Ngành luật đó phải có đầy đủ các VBQPPL
- D. Cả A và B

Câu 69. UBND và chủ tịch UBND các cấp có quyền ban hành những loại VBPL nào:

- A. Nghị định, quyết định
- B. Quyết định, chỉ thị
- C. Quyết định, chỉ thị, thông tư
- D. Nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị

Câu 70. Theo quy định của Hiến pháp 1992, người có quyền công bố Hiến pháp và luật là:

- A. Chủ tịch Quốc hội
- B. Chủ tịch nước
- C. Tổng bí thư
- D. Thủ tướng chính phủ

Câu 71. Có thể thay đổi HTPL bằng cách:

- A. Ban hành mới VBPL
- B. Sửa đổi, bổ sung các VBPL hiện hành
- C. Đình chỉ, bãi bỏ các VBPL hiện hành
- D. Cả A, B và C.

Câu 72. Hội đồng nhân dân các cấp có quyền ban hành loại VBPL nào:

A. Nghị quyết

B. Nghị định

Để tải tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

C. Nghị quyết, nghị định

D. Nghị quyết, nghị định, quyết định

Câu 73. Đối với các hình thức (biện pháp) trách nhiệm dân sự:

A. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc cho tổ chức.

B. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức

C. Cá nhân chịu trách nhiệm dân sự có thể chuyển hoặc không thể chuyển trách nhiệm này cho cá nhân hoặc tổ chức, tùy từng trường hợp

D. Cả A, B và C đều sai

Câu 74. Khẳng định nào là đúng:

A. Mọi hành vi trái pháp luật hình sự được coi là tội phạm

D. Cả B và C

B. Mọi tội phạm đều đã có thực hiện hành vi trái pháp luật hình sự

C. Trái pháp luật hình sự có thể bị coi là tội phạm, có thể không bị coi là tội phạm

Câu 75. Tuân thủ pháp luật là:

A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể

thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đây vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

D. Cả A và B

C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

Câu 76. Hình thức trách nhiệm nghiêm khắc nhất theo quy định của pháp luật Việt Nam:

A. Trách nhiệm hành chính

B.

Trách nhiệm hình sự

C. Trách nhiệm dân sự

D.

Trách nhiệm kỷ luật

Câu 77. Thi hành pháp luật là:

A. Hình thức thực hiện những QPPL mang tính chất ngăn cấm bằng hành vi thụ động, trong đó các chủ thể pháp luật kiểm chế không làm những việc mà pháp luật cấm.

B. Hình thức thực hiện những quy định trao nghĩa vụ bắt buộc của pháp luật một cách tích cực trong đó các chủ thể thực hiện nghĩa vụ của mình bằng những hành động tích cực.

D. A và B đều đúng

C. Hình thức thực hiện những quy định về quyền chủ thể của pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật chủ động, tự mình quyết định việc thực hiện hay không thực hiện điều mà pháp luật cho phép.

Câu 78. Bản án đã có hiệu lực pháp luật được viện kiểm sát, tòa án có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi:

A. Người bị kết án, người bị hại, các đương sự, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với phán quyết của tòa án.

B. Phát hiện ra tình tiết

mới, quan trọng của vụ án.

C. Có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vi phạm nghiêm trọng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 79. Nguyên tắc “không áp dụng hiệu lực hồi tố” của VBPL được hiểu là:

A. VBPL chỉ áp dụng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

B. VBPL chỉ áp dụng trong một khoảng thời gian nhất định.

C. VBPL không áp dụng đối với những hành vi xảy ra trước thời điểm văn bản đó có hiệu lực pháp luật.

D. Cả A, B và C.

Câu 80. Trong các loại VBPL, văn bản chủ đạo:

A. Luôn luôn chứa đựng các QPPL **B.**

Mang tính cá biệt – cụ thể

C. Nêu lên các chủ trương, đường lối, chính sách

D. Cả A, B và C đều đúng

Câu 81. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật đất đai **B.** Ngành luật lao động **C.**

Ngành luật quốc tế **D.** Ngành luật đầu tư

Câu 82. Đâu không phải là ngành luật trong HTPL Việt Nam:

A. Ngành luật kinh tế **B.** Ngành luật hành chính **C.**

Ngành luật quốc tế **D.** Ngành luật cạnh tranh

Câu 83. Chế định “Văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ” thuộc ngành luật nào:

A. Ngành luật hành chính **B.**

Ngành luật dân sự

C. Ngành luật quốc tế **D.**

Ngành luật nhà nước (ngành luật hiến pháp)